

Số: 3.63./QĐ-ĐHK&QTKD-KHCN

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ vào Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên";

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14 tháng 06 năm 2016 về Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2009 và năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-ĐHTN ngày 06 tháng 06 năm 2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định Sở hữu trí tuệ và khen thưởng đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ và sản phẩm khoa học và công nghệ được chuyển giao của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHK&QTKD-HĐT ngày 29 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHK&QTKD - KHCN, ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng KH-CN&HTQT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý tài sản Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Viện, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c)
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải website Trường;
- Lưu: VT, KHCN.



**QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN SỞ HỮU TRÍ TUỆ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Ban hành theo Quyết định số: 363./QĐ-ĐHKT&QTKD-KHCN, ngày 06 tháng 4 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế & QTKD)

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định chi tiết về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ (SHTT), khai thác và quản lý tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh (ĐHKT&QTKD).

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc ĐHK&QTKD và các tổ chức, cá nhân không thuộc ĐHK&QTKD nhưng tham gia hợp tác với ĐHK&QTKD trong việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của ĐHK&QTKD.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ (TSTT)* là những sản phẩm do trí tuệ của viên chức, người lao động và người học của Trường ĐHK&QTKD sáng tạo, ra thông qua các hoạt động tư duy, sáng tạo trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của đời sống xã hội. Tài sản trí tuệ bao gồm: tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; chương trình biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng; sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, tên thương mại; bí quyết kinh doanh, công thức pha chế; giống cây trồng mới, phần mềm máy tính...

2. *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

3. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

4. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

5. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại,

chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

6. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

7. *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ* là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

8. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

9. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

10. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

11. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

12. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến hoặc hữu tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

13. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.

14. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

15. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phân tử với ít nhất một phân tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

16. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phân tử mạch và mối liên kết các phân tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

17. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

18. *Nhãn hiệu tập thể* là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

19. *Nhãn hiệu chứng nhận* là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung

cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu.

20. *Nhãn hiệu liên kết* là các nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau dùng cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hoặc có liên quan với nhau.

21. *Nhãn hiệu nổi tiếng* là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

22. *Tên thương mại* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

23. *Chỉ dẫn địa lý* là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

24. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

25. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

26. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

27. *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây mới dùng để nhân giống hoặc để gieo trồng.

28. *Vật liệu thu hoạch* là cây hoặc bộ phận của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống.

29. *Chuyển giao tài sản trí tuệ* là hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng) đối tượng sở hữu trí tuệ.

30. *Nhiệm vụ được giao* là nhiệm vụ theo quy định của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh hoặc được xác định trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

31. *Nguồn lực của Nhà trường* bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất – trang thiết bị và các nguồn lực khác.

Chương 2

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 3. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh là chủ sở hữu quyền SHTT các tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động và người học của Trường ĐHK&QTKD sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

a) Sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác trong nước, quốc tế thông qua Trường ĐHK&QTKD hoặc từ kinh phí của Trường ĐHK&QTKD trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa Trường ĐHK&QTKD và đối tác;

b) Sử dụng thời gian làm việc hành chính; cơ sở vật chất của Trường ĐHK&QTKD;

c) Trường ĐHK&QTKD giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức và người lao động (kể cả hợp đồng) của các đơn vị thực hiện;

d) Trường ĐHK&QTKD ký hợp đồng trực tiếp hoặc ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc ký với các cá nhân để tạo ra sản phẩm.

2. Trường ĐHK&QTKD là chủ sở hữu quyền SHTT đối với tài sản trí tuệ được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng làm việc với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trường ĐHK&QTKD là chủ sở hữu các nhãn hiệu của các đơn vị.

4. Trường ĐHK&QTKD là tổ chức đại diện nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý từ Nhà nước nếu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được sản xuất trong phạm vi địa giới mà ĐHK&QTKD được giao quyền sử dụng đất.

5. Trường ĐHK&QTKD là đồng chủ sở hữu quyền SHTT với tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp có thỏa thuận cụ thể.

Điều 4. Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu quyền tác giả

1. Quyền tác giả đối với tài sản trí tuệ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản. Trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra thì họ là đồng tác giả.

a) Quyền nhân thân:

- Được đặt tên cho sản phẩm hoặc tác phẩm;

- Được đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

- Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;

- Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng;

- Được công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

b) Quyền tài sản:

- Sao chép tác phẩm; phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm; chuyển giao tác phẩm; cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;

- Quyền tài sản của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng, vật nuôi và quyền nhận thù lao theo quy định của Luật SHTT.

2. Quyền của Chủ sở hữu quyền tác giả

a) Các quyền quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này do tác giả, Trường ĐHK&QTKD độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật SHTT;

b) Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản, hoặc công bố sản phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả;

c) Sản xuất hoặc nhân giống; chế biến nhằm mục đích nhân giống; chào hàng; bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường khác; xuất khẩu; nhập khẩu; lưu giữ giống;

d) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng hoặc ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật SHTT;

đ) Định đoạt đối tượng SHTT theo quy định của Luật SHTT.

Điều 5. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của cán bộ, viên chức và chủ thể khác

1. Tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động của Trường ĐHK&QTKD và các chủ thể khác tạo ra không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 6 và điều 7 của quy định này thuộc sở hữu của người sáng tạo.

2. Trường ĐHK&QTKD được khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học đối với các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên Tạp chí khoa học, hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học do Trường ĐHK&QTKD tổ chức/đồng tổ chức.

3. Quyền sở hữu đối với các bài giảng cá nhân, tài liệu học tập do giảng viên biên soạn trong quá trình công tác tại Trường ĐHK&QTKD thuộc quyền sở hữu của cá nhân, tập thể tác giả, trừ trường hợp sáng tạo theo nhiệm vụ được giao trong quyết định giao việc trong từng tình huống cụ thể.

Điều 6. Tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của người học

1. Tài sản trí tuệ phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học thuộc mọi chương trình đào tạo của Trường ĐHK&QTKD bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các tác phẩm sau: Công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ... thuộc quyền sở hữu của người học.

Tuy nhiên, Trường ĐHKT&QTKD được khai thác các công trình nêu trên nhằm mục đích phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2. Trường hợp các tài sản trí tuệ được sáng tạo trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học được tạo ra bằng việc sử dụng kinh phí của Trường ĐHKT&QTKD thì quyền sở hữu thuộc về Trường ĐHKT&QTKD.

Điều 7. Quyền của tác giả/đồng tác giả.

1. Các tác giả hoặc đồng tác giả các tác phẩm được hưởng các quyền nhân thân theo quy định của Luật SHTT và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp quy định này hoặc trong hợp đồng có quy định khác.

2. Trường hợp tác giả, đồng tác giả không đồng thời là chủ sở hữu tác phẩm, các tác giả, đồng tác giả được hưởng nhuận bút, thù lao theo quy định này hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp không được ghi nhận trong quy định này hoặc trong hợp đồng giữ các bên thì tác giả sẽ nhận nhuận bút, thù lao theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Logo, tên thương mại, tên giao dịch của Trường ĐHKT&QTKD.

1. Nhân hiệu của Trường ĐHKT&QTKD bao gồm dòng chữ “Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh” và biểu tượng (logo), khẩu hiệu (Slogan) của nhà trường thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHKT&QTKD.

2. Logo của Trường ĐHKT&QTKD là nhân hiệu của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

3. Trường ĐHKT&QTKD là chủ sở hữu quyền tác giả và nhân hiệu Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

4. Tên thương mại, tên giao dịch của Trường ĐHKT&QTKD bằng tiếng Việt là Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh. Bằng tiếng anh là Thai Nguyen University Economic and Business Administration.

5. Trường ĐHKT&QTKD là chủ sở hữu tất cả các tên thương mại, tên giao dịch của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh.

6. Các đơn vị thuộc Trường ĐHKT&QTKD được quyền sử dụng tên thương mại, tên giao dịch, logo của Trường ĐHKT&QTKD thực hiện chức năng và nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Trung tâm Thông tin – Thư viện của Trường ĐHKT&QTKD.

1. Mọi hoạt động của Trung tâm Thông tin – Thư viện của Trường ĐHKT&QTKD phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với các tác phẩm thuộc quyền sở hữu của Trường ĐHKT&QTKD, Trung tâm Thông tin – Thư viện của nhà trường được phép khai thác theo đúng chức năng, nhiệm vụ được nhà trường giao và theo pháp luật hiện hành.

3. Đối với luận văn, luận án, khóa luận, báo cáo tốt nghiệp thuộc quyền sở hữu của người học thuộc các hệ đào tạo của nhà trường, các ấn phẩm đã đăng trên tạp chí

Kinh tế và Quản trị kinh doanh của nhà trường, các bài tham luận hội thảo, hội nghị, kỷ yếu hội thảo do nhà trường tổ chức/đồng tổ chức, Trung tâm Thông tin – Thư viện của nhà trường được toàn quyền lưu trữ kể cả dưới hình thức số hóa và khai thác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy định của Trung tâm Thông tin – Thư viện, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4. Trong quá trình khai thác và sử dụng nguồn tài liệu của Trung tâm Thông tin – Thư viện, các cá nhân, tổ chức sẽ tự chịu trách nhiệm cho các hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ và thư viện.

Điều 10. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến các hoạt động của Tạp chí Kinh tế và Quản trị Kinh doanh của Trường ĐHKHT&QTKD.

1. Hoạt động của Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh của Trường ĐHKHT&QTKD phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh có quyền công bố, sao chép, lưu trữ, phân phối các tác phẩm đã được đăng tải trong tạp chí; Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.

3. Các tác giả khi gửi bài viết đến Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh phải cam kết tác phẩm do chính tác giả sáng tạo, không sao chép nội dung của người khác.

4. Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh không chịu trách nhiệm đối với các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí về các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến vấn đề quyền tác giả của tác phẩm được đăng tải trên tạp chí.

Chương 3

KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SẢN PHẨM TRÍ TUỆ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Điều 11. Các hình thức khai thác quyền sở hữu tài sản trí tuệ

Việc khai thác quyền sở hữu tài sản trí tuệ được tiến hành nhưng không bị giới hạn bởi các hình thức sau:

1. Công bố các kết quả nghiên cứu khoa học dưới mọi hình thức, bao gồm các hình thức điện tử;
2. Phân phối các tác phẩm thuộc sở hữu của Trường ĐHK&QT&KT và tác phẩm Trường ĐHK&QT&KT được quyền phân phối dưới mọi hình thức; bao gồm hình thức điện tử;
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu các đối tượng sở hữu trí tuệ được bảo hộ;
4. Chuyển giao quyền sử dụng đối với các đối tượng SHTT được bảo hộ cho các đối tượng có nhu cầu;
5. Các hình thức khai thác khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quy trình và thủ tục đăng ký Sở hữu trí tuệ

Tác giả có sản phẩm cần làm thủ tục đăng ký SHTT thì lập hồ sơ gửi Phòng KHCN&HTQT kèm theo phí, lệ phí theo quy định của Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy trình và thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận SHTT:

1. Tác giả điền thông tin theo mẫu, hướng dẫn của chuyên viên phụ trách về SHTT của Trường ĐHK&QT&KT.
2. Trường ĐHK&QT&KT nộp hồ sơ và hỗ trợ lệ phí (nếu có) tại Cục SHTT, Cục Bản quyền tác giả và các cơ quan có liên quan. Mức hỗ trợ theo quyết định của Hiệu trưởng Trường ĐHK&QT&KT.
3. Nếu hồ sơ phải sửa chữa, Phòng KHCN&HTQT liên hệ với tác giả để sửa chữa trong thời gian 30 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu sửa chữa của Cục SHTT hoặc Cục Bản quyền tác giả.
4. Khi có thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ, Phòng KHCN&HTQT gửi thông báo cho tác giả.
5. Khi có Bằng chứng nhận, Phòng KHCN&HTQT bàn giao cho tác giả bản chính và lưu bản sao.

Điều 13. Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ

Chuyển nhượng quyền SHTT là việc Trường ĐHK&QT&KT chuyển giao quyền sở hữu đối với quyền đã nêu tại Điều 4 Quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

1. Khi chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả, Trường ĐHK&QT&KT cùng tác giả thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được Trường ĐHK&QTKD đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện Trường ĐHK&QTKD thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

2. Chuyển nhượng quyền tác giả/quyền sáng chế là việc Trường ĐHK&QTKD chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền công bố tác phẩm, các quyền tài sản cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Khi việc chuyển nhượng được tiến hành thành công, Trường ĐHK&QTKD không còn quyền đối với sản phẩm trí tuệ đã chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu đối với sản phẩm đó.

3. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả không độc quyền là việc Trường ĐHK&QTKD cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn và trong phạm vi nhất định một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả, quyền tài sản.

4. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng các quyền nhân thân, trừ quyền công bố tác phẩm.

5. Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả được lập thành văn bản gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của mỗi bên;
- b) Căn cứ chuyển nhượng;
- c) Phạm vi chuyển quyền;
- d) Giá, phương thức thanh toán;
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hợp đồng được áp dụng theo quy định của Bộ Luật dân sự.

6. Giá chuyển nhượng phải tính đủ các yếu tố:

- a) Chi phí đầu tư cho việc nghiên cứu trước;
- b) Chi phí đăng ký và duy trì hiệu lực của bảo hộ SHTT;
- c) Chi phí quản lý nghiên cứu;
- d) Chi phí nộp thuế nhà nước.
- đ) Lợi nhuận

Điều 14. Phân chia thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các tài sản trí tuệ

1. Việc phân chia thu nhập từ tài sản trí tuệ là sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật sở hữu trí tuệ và quy định của Trường ĐHK&QTKD. Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hoá, sau khi trừ những chi phí cần thiết, hợp lệ được phân bổ như sau:

a) Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng kinh phí của ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán: 40% nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; 20% lợi nhuận nộp ngân sách của nhà trường; 40% dùng để khen thưởng tập thể tác giả

trực tiếp thực hiện đề tài, dự án. Tổng mức khen thưởng không vượt quá 100 triệu đồng/1 đề tài, dự án. Phần vượt trên 100 triệu đồng được nộp vào ngân sách của nhà trường.

b) Đối với các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ khác (trừ sản phẩm đề tài KHCN liên kết với các sở, ban ngành, công ty...) có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (được thực hiện dưới hình thức chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật), bao gồm: Đề tài của cá nhân hoặc tổ chức hoặc ĐHTN là cơ quan phê duyệt: Tác giả/tổ chức: 90%; Trường ĐHK&QTKD 8%; ĐHTN 2%.

c) Các sản phẩm trí tuệ thuộc nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhãn hiệu hàng hoá, Kiểu dáng công nghiệp, Bảo hộ giống cây trồng: Sản phẩm chuyển nhượng: 83%, Trường ĐHK&QTKD 15%, ĐHTN 2%.

d) Bài giảng (bao gồm cả E-learning...), giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo: Sau khi trừ toàn bộ chi phí photo, in ấn, đóng quyển và các chi phí khác (nếu có). Tác giả 78%; Trường ĐHK&QTKD 20%; ĐHTN 2%.

2. Đối với các tài sản trí tuệ không phải là kết quả của đề tài, dự án sử dụng kinh phí nhà nước, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, tiền thù lao mà tác giả/đồng tác giả được hưởng không được thấp hơn mức tối thiểu được pháp luật quy định.

3. Hàng năm, Trường ĐHK&QTKD trích một phần lợi nhuận sau thuế từ việc các tài sản trí tuệ được thương mại hóa để đảm bảo kinh phí cho kế hoạch hoạt động quản lý tài sản trí tuệ của năm tiếp theo, bao gồm:

- a) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- b) Xây dựng các cơ sở dữ liệu quản lý tài sản trí tuệ và cơ sở dữ liệu thông tin tài sản trí tuệ;
- c) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý tài sản trí tuệ ;
- d) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ của Trường ĐHK&QTKD;
- đ) Triển khai các hoạt động khác theo nhiệm vụ và quyền hạn;
- e) Các vấn đề khác liên quan đến việc khai thác và phân bổ lợi ích từ tài sản trí tuệ sẽ do Hiệu trưởng quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Chương 4

QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ CỦA TRƯỜNG ĐHKINH TẾ VÀ QTKD

Điều 15. Mục đích quản lý tài sản sở hữu trí tuệ.

Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động sáng tạo, xác lập quyền, bảo vệ và khai thác thương mại hiệu quả các tài sản trí tuệ được tạo ra trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD, của các cá nhân, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD, phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tạo nguồn thu bổ sung để phát triển nhà trường, đồng thời đóng góp cho sự phát triển của Khu vực Trung du và Miền núi Phía bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Điều 16. Các nội dung quản lý tài sản sở hữu trí tuệ.

Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Xác định quyền sở hữu, quyền tác giả và các quyền liên quan khác đối với tài sản trí tuệ do viên chức, người lao động và người học của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD sáng tạo ra.
2. Xác định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động quản lý và khai thác tài sản trí tuệ.
3. Xây dựng cơ chế và tỷ lệ phân chia lợi ích từ hoạt động khai thác thương mại tài sản trí tuệ.
4. Phối hợp với các đơn vị của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật sở hữu trí tuệ trong các đơn vị thuộc nhà trường.
5. Tư vấn cho Hiệu trưởng cơ chế giải quyết tranh chấp, khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quyền SHTT.

Điều 17. Quản lý tài sản sở hữu trí tuệ.

1. Phòng KHCN&HTQT là đơn vị thực hiện quản lý tài sản trí tuệ của Trường ĐHKINH TẾ VÀ QTKD.
2. Trách nhiệm của tổ chức quản lý và khai thác tài sản sở hữu trí tuệ
 - a) Đánh giá hoặc ủy quyền cho đơn vị đánh giá hồ sơ sáng chế, bản quyền SHTT.
 - b) Thực hiện tra cứu sơ bộ các cơ sở dữ liệu sáng chế.
 - c) Quyết định nộp đơn và thực hiện việc nộp đơn đăng ký văn bằng bảo hộ.
 - d) Quyết định việc tiếp tục duy trì hiệu lực của các văn bằng bảo hộ.
 - đ) Triển khai thông tin để kêu gọi các cá nhân, tổ chức tham gia khai thác tài sản trí tuệ của ĐHTN.
 - e) Phối hợp đàm phán các hợp đồng chuyển giao quyền SHTT.
 - g) Kiểm soát và phân phối thu nhập từ việc khai thác tài sản trí tuệ.
 - h) Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, viên chức và người lao động nghiên cứu sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;

i) Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của ĐHTN. Báo cáo ĐHTN kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ thông qua bộ phận chuyên trách của Ban KH&CN&MT;

k) Kiểm tra, đôn đốc tác giả sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với ĐHTN;

l) Tham gia cùng với ĐHTN xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng quảng bá sản phẩm trí tuệ.

3. Trách nhiệm của chuyên viên phụ trách sở hữu trí tuệ

a) Chuyên viên phụ trách sở hữu trí tuệ thuộc Phòng KH&CN&HTQT quản lý, thực hiện các nhiệm vụ: Nhân hiệu, thương hiệu của đơn vị; Các nhiệm vụ KH&CN do đơn vị thực hiện phê duyệt; Các đối tượng khác theo đề xuất của Trưởng phòng Phòng KH&CN&HTQT hoặc theo yêu cầu của nhà trường.

b) Chịu trách nhiệm nhận diện tài sản trí tuệ và truyền thông tin lên tổ chức. Việc nhận diện thông qua công tác theo dõi kết quả phê duyệt thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của đơn vị, theo dõi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do đơn vị phê duyệt, theo dõi các hợp đồng chuyển giao công nghệ của đơn vị với tổ chức, cá nhân bên ngoài.

c) Theo dõi và báo cáo về các hành vi xâm phạm quyền SHTT của Trường ĐHK&QTKD.

d) Hàng năm, lập và gửi dự toán kinh phí SHTT năm tiếp theo cho tổ chức, bao gồm: Phí đăng ký loại văn bằng bảo hộ, phí duy trì hiệu lực các loại văn bằng bảo hộ và các loại phí về SHTT khác.

đ) Có nghĩa vụ bảo mật các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, KH&CN và các hoạt động khác có khả năng tạo ra tài sản trí tuệ.

4. Trách nhiệm của các cá nhân là tác giả, đồng tác giả của các tài sản trí tuệ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của Trường ĐHK&QTKD, các đơn vị trực thuộc nhà trường có nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ kịp thời bộ phận chuyên trách quản lý tài sản trí tuệ trong hoạt động quản lý và khai thác thương mại các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu/đồng sở hữu của Trường ĐHK&QTKD.

a) Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của Trường ĐHK&QTKD, các cam kết, thoả thuận với Trường ĐHK&QTKD;

b) Tham gia cùng với Trường ĐHK&QTKD và ĐHTN xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng quảng bá sản phẩm trí tuệ;

c) Yêu cầu Trường ĐHK&QTKD và ĐHTN xử lý và giải quyết các xung đột về quyền lợi quyền tác giả.

Điều 18. Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao

Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao bao gồm:

1. TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân.
2. Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình.
3. Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu.
4. Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại.
5. Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu.
6. Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào.
7. Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy.
8. Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó.
9. Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị.
10. Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Điều 19. Hành vi xâm phạm quyền tác giả

1. Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.
2. Mạo danh tác giả.
3. Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.
4. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.
5. Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.
6. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 17 của Quy định này.
7. Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp quy định tại Khoản 9 Điều 7 của Quy định này.
8. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 của Quy định này.
9. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả.
10. Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.
11. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.
12. Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

13. Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm.

14. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình.

15. Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo.

16. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

Điều 20. Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT

Trường ĐHKT&QTKD khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền SHTT sẽ yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hỗ trợ kinh phí đăng ký SHTT

Sau khi nhận đơn của tác giả sản phẩm SHTT, Phòng KHCN&HTQT làm thủ tục hỗ trợ lệ phí đăng ký sản phẩm SHTT, kinh phí hỗ trợ lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ và tiến hành các thủ tục tiếp theo để đăng ký sản phẩm SHTT với Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Cục Bản quyền tác giả. Mức hỗ trợ theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHKT&QTKD hàng năm hoặc theo quyết định của Hiệu trưởng.

Điều 22. Khen thưởng đối với sản phẩm SHTT

1. Hàng năm, Trường ĐHKT&QTKD tặng Giấy khen đối với tập thể, cá nhân có sản phẩm được cấp giấy chứng nhận SHTT trong năm đó.

2. Trường ĐHKT&QTKD căn cứ điều kiện cụ thể để hỗ trợ và khen thưởng đối với các sản phẩm SHTT nhưng không quá 30 lần mức lương cơ bản cho một sản phẩm.

Chương 5

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Trường các bộ phận có trách nhiệm phổ biến Quy định này đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động và người học biết để thực hiện.
2. Phòng KHCN&HTQT là bộ phận trực tiếp quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường ĐHK&QTKD, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng nội dung Quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, quy định có thể được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế.

